

TÌNH HÌNH LY HÔN TRONG XÃ HỘI TA NGÀY NAY

NGUYỄN THỊ NGỌC KHANH

Phó chánh án

Toà án nhân dân tối cao.

Khi giải quyết vấn đề ly hôn, Toà án cần quán triệt hai mặt, một mặt bảo đảm thực hiện tự do ly hôn, mặt khác, phải giải quyết vấn đề ly hôn một cách chính xác, không gò bó đồng thời không khinh suất. Vai trò của Toà án là thông qua công tác xét xử đề cao pháp luật, giáo dục quần chúng, giải quyết đúng đắn các mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và gia đình, nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng chưa đáng phải ly hôn, làm cho các gia đình đó đoàn tụ trên cơ sở mới. Nhưng mặt khác, khi tình trạng mâu thuẫn trong gia đình họ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thì Toà án cần xử cho ly hôn. Kết quả của việc xử lý có khác nhau nhưng về căn bản phải đem lại tác dụng tích cực đối với việc xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình mới. Vì vậy, khi xét xử Toà án cần điều tra kỹ lưỡng, nghiên cứu thận trọng về tính chất trong mối quan hệ hôn nhân, nghiên cứu thận trọng về tính chất trong mối quan hệ hôn nhân, nguyên nhân việc ly hôn, tình trạng mâu thuẫn, đồng thời xem xét khả năng chung sống của các cặp vợ chồng xin ly hôn để có chủ trương chính xác cho từng trường hợp cụ thể...

Toà án nhân dân tối cao còn có những chủ trương cụ thể cho từng thời kỳ, đối với từng loại việc ly hôn, đặc biệt như ly hôn trong vùng thiên chúa giáo, ly hôn đối với những người bị tập trung cải tạo, những người di dân, những người mất trí, mất liên lạc tin tức giữa vợ với chồng, những người đã có vợ, có chồng nhưng trong thời gian tập kết lấy vợ lấy chồng khác.v.v... Tất cả những

quy định đó nói lên sự thận trọng, tính nhân đạo và tinh thần trách nhiệm của pháp luật ta đối với việc giải quyết những tranh chấp trong hôn nhân và gia đình.

Qua hơn 20 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình ở miền Bắc và từ sau ngày giải phóng miền Nam, luật này được thực hiện trong cả nước, vấn đề ly hôn đã thể hiện qua các thời kỳ như sau:

- Từ sau ngày ban hành luật đến năm 1964, số vụ xin ly hôn ngày mỗi tăng, năm 1964 tới 16.000 vụ. Đa số người đứng nguyên đơn là phụ nữ. Phần lớn những vụ xin ly hôn thời kỳ này là do hậu quả và tồn tại của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến. Người phụ nữ giác ngộ quyền lợi của mình lại được pháp luật hỗ trợ đã đứng lên giải phóng mình.

- Từ năm 1965 trở đi là thời kỳ miền Bắc bị chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, số nam giới tham gia bộ đội ra tiền tuyến ngày một đông. Trước yêu cầu bảo vệ tổ quốc, có những mâu thuẫn gia đình đã được gác sang một bên, những vụ xin ly hôn giảm hẳn, nhất là những năm 1965-1968. Đồng thời tinh thần cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình được giáo dục rộng rãi trong nhân dân. Việc thực hiện luật có những kết quả tốt đẹp. Đó cũng là một lý do giảm dần đi những vụ ly hôn do cưỡng ép, do phong kiến.

Nhưng sau hiệp định Pari và đến giải phóng miền Nam, nhiều gia đình gặp lại nhau, vui mừng cũng có, nhưng những mâu thuẫn phát sinh qua năm tháng xa cách cũng có. Những vụ xin ly hôn cũng tăng dần, đầu năm 1977, riêng miền Bắc đã trên 18.000 vụ. Ở miền Nam trước giải phóng, vấn đề ly hôn không được đặt ra trong Luật hôn nhân và gia đình của ngụy quyền, tình trạng hôn nhân phong kiến, tư sản thực dân mới đã làm bao nhiêu người phụ nữ đau khổ, thì sau giải phóng, nhiều chị em đã mau chóng tiếp nhận luật hôn nhân và gia đình được thi hành thống nhất, và những vụ ly hôn do phụ nữ đứng nguyên đơn cũng chiếm số lớn. Mới tính từ năm 1977 đến năm 1982, các Tòa án ở các tỉnh miền Nam tiếp nhận 28.359 vụ xin ly hôn, trong đó 48% do phụ nữ xin ly hôn, 36% do nam giới xin ly hôn, 16% là đơn chung của vợ và chồng.

Đối với đồng bào các vùng thiên chúa giáo còn ảnh hưởng khá nặng nề của giáo hội, cấm việc ly hôn, nên mặc dầu nhiều người

sống trong tình trạng đau khổ cũng chưa mạnh dạn bày tỏ ý chí của mình muốn thoát ly cuộc sống đó. Tuy nhiên, cũng đã có những vụ ly hôn ở nhiều nơi do chị em đứng nguyên đơn. Năm nhiều nhất ở miền Bắc có 280 vụ trong tổng số 16.000 vụ, ở miền Nam trong 6.880 vụ có 190 vụ. Điều đó cũng nói lên tác động tích cực của Luật hôn nhân và gia đình tới ý thức giác ngộ quyền lợi của chị em công giáo.

Đối với đồng bào các dân tộc ít người, bản Điều lệ quy định thi hành luật hôn nhân và gia đình ở khu tự trị Tây Bắc được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn tại Nghị quyết số 542 ngày 18-4-1968, và bản Điều lệ quy định thi hành Luật hôn nhân và gia đình ở khu tự trị Việt Bắc, được phê chuẩn tại Nghị quyết số 873 ngày 18-12-1970, về cơ bản cũng theo tinh thần và nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình chung, đã có tác dụng rất lớn đối với nhân dân các dân tộc, đặc biệt là phụ nữ, góp phần cải tạo những tập quán lạc hậu, xây dựng gia đình mới. Người phụ nữ dân tộc hiểu rõ quyền lợi của mình, trong hoàn cảnh cuộc sống gia đình đau khổ đã đứng lên xin ly hôn. Năm 1964 là năm cao nhất, có 2.158 vụ, chiếm khoảng 13% tổng số vụ ly hôn, còn hàng năm số vụ ly hôn của đồng bào dân tộc chiếm trên dưới 10%.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn cũng rất đa dạng, khái quát lại, có những điểm đáng lưu ý như sau:

Do những hậu quả của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến trước đây, biểu hiện rõ nhất ở việc cưỡng ép hôn nhân, tảo hôn, lấy nhiều vợ, chưa kể ở một số vùng dân tộc ít người còn có những tập lạc hậu như cướp phụ nữ làm vợ.

Thời gian đầu, sau khi ban hành Luật hôn nhân và gia đình ở miền Bắc và sau ngày giải phóng luật này được thi hành ở miền Nam, nguyên nhân trên chiếm một tỷ lệ khá cao, những việc ly hôn như vậy hầu hết được sự đồng tình của xã hội, được dư luận quần chúng ủng hộ. Nhưng sau đó, nguyên nhân phong kiến giảm dần, trong những năm sau này, tình trạng vi phạm luật hôn nhân và gia đình cũng xảy ra nhiều nơi, nhất là việc tảo hôn, tình trạng ép duyên và lấy vợ lẽ, đặc biệt trong quan hệ gia đình,

tệ đánh đập ngược đãi vợ con, xảy ra khá phổ biến dưới nhiều dạng, nhiều vụ mang tính chất rất nghiêm trọng. Ở Thái Bình, năm 1979 xảy ra 95 vụ đánh đập vợ, năm 1980 tới 146 vụ. Ở thành phố Hải Phòng, qua kiểm tra ở năm đơn vị, có 271 trường hợp người vợ bị đánh đập ngược đãi. Trong thực tế còn nhiều hơn nữa và tình trạng đó không phải là cá biệt. Thực chất của những hành động này thể hiện quan điểm phong kiến gia trưởng, coi thường người phụ nữ của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến còn mang nặng trong đầu óc của những người chồng lạc hậu.

Chính tình trạng vi phạm luật trên đây đã là một nguyên nhân dẫn đến gia đình tan vỡ, năm 1982 nguyên nhân này đã chiếm 37% số vụ xin ly hôn. Tính riêng ở Hà Nội từ năm 1975 đến năm 1980, đã có 1.860 vụ xin ly hôn do người vợ bị chồng đánh đập, ngược đãi. Điều đáng tiếc là trong số vi phạm trên, có cả những cán bộ đảng viên, và những người có tri thức, có văn hoá. Đối với những hành vi sai trái như trên, một số ít gây hậu quả nghiêm trọng đã bị truy tố trước pháp luật, tuy nhiên cũng vẫn còn một số trường hợp chưa được phê phán nghiêm khắc và xử lý đúng mức.

Một nguyên nhân chiếm tỷ lệ khá cao, khoảng trên dưới 45% số vụ xin ly hôn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong sinh hoạt cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn kéo dài dẫn đến ly hôn. Trong loại này một số vụ do tư tưởng phóng đãng, lãng mạn hoặc do ngoại tình, thích mới nới cũ, đi đến chê chối vợ hoặc chồng, từ đó phát sinh những bất hoà trong quan hệ vợ chồng. Điều đáng lưu ý là những vụ ly hôn do tính tình không hợp chiếm khoảng 70% số gia đình đăng ký sau khi có luật, được tự do kết hôn. Vì sao có những cặp lấy nhau chỉ trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn đưa đến tình trạng ly hôn? Chính là vì khi yêu nhau đến lấy nhau các cặp vợ chồng này chưa có một quan điểm đúng đắn trong tình yêu và gia đình, thiếu tìm hiểu kỹ càng, hoặc lấy nhau với những động cơ không đúng đắn, thậm chí hiểu sai lệch vấn đề tự do trong hôn nhân nên tất yếu dẫn đến hậu quả tan vỡ. Nhưng cũng phải công nhận rằng trong thực tế có những cặp vợ chồng lấy nhau tự nguyện, đã có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng trong cuộc sống gia đình thiếu sự giúp đỡ nhau, thiếu sự tôn trọng thông cảm

nhau nên dần dần tạo nên khoảng cách trong tư tưởng, tình cảm và cả trong sinh hoạt, từ đó nảy sinh mâu thuẫn, để mất đi hạnh phúc gia đình. Hiện tượng này nếu không được nhận ra sớm và có cách giải quyết tốt thì cũng dễ dẫn đến tan vỡ.

Một nguyên nhân đáng lưu ý là do mâu thuẫn giữa người vợ hoặc người chồng (đa số là người vợ) với gia đình nhà chồng, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, cuối cùng đi đến bỏ nhau. Ở các tỉnh phía Nam, tình hình này khá phổ biến. Điều đó cũng thể hiện tư tưởng phong kiến gia trưởng trong quan hệ gia đình, quan hệ mẹ chồng với nàng dâu, chị dâu với em chồng.v.v... Khi người con lập gia đình riêng họ cần phải có cuộc sống tự lập và độc lập, tránh sự phụ thuộc nhất là phụ thuộc về kinh tế, tình trạng sống chung dễ phát sinh những mâu thuẫn. Ở nơi nào các tổ chức quần chúng và tổ hoà giải giúp đỡ tốt thì các gia đình có thể giải quyết mâu thuẫn này. Điều đáng tiếc là nhiều nơi, chính quyền và đoàn thể còn làm ngơ trước việc ông bố bà mẹ vi phạm trắng trợn luật như cưới con dâu này không ưng lại bắt con trai bỏ vợ để cưới con dâu khác. Vì vậy, có những cặp vợ chồng không phải tự họ mâu thuẫn, thậm chí họ còn thương yêu nhau nhưng vì phụ thuộc vào gia đình nên cũng phải bỏ nhau.

Trong những nguyên nhân dẫn đến xin ly hôn, dư luận nhân dân rất không đồng tình về một số người do tư tưởng phóng đãng, lãng mạn, nhất là khi đã có ngoại tình, những người này thường tìm mọi cách để bỏ vợ, bỏ chồng. Không ít các cặp vợ chồng đã chung sống mấy chục năm, có đông con cái cũng rơi vào tình trạng này. Năm 1964, số vụ xin ly hôn do ngoại tình chiếm tỷ lệ 16%, năm 1970 con số này lên tới 32%. Đây là một hiện tượng không lành mạnh, thường xảy ra mâu thuẫn gay gắt và rất dễ làm cho gia đình tan vỡ, chưa nói đến một số trường hợp dẫn đến những vi phạm pháp luật nghiêm trọng như đánh đập tàn nhẫn hoặc giết vợ, một ví dụ: ở huyện T.S, tỉnh V, một năm có ba vụ giết vợ thì hai vụ do chồng ngoại tình.

Về đối tượng xin ly hôn đáng chú ý là cán bộ công nhân viên chức và bộ đội xin bỏ vợ ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Năm 1964, có khoảng 30%, năm 1971 tới 53%, riêng ở Hà Nội, tính trong 5 năm

(1976-1980) con số cán bộ công nhân viên chức và bộ đội xin ly hôn chiếm gần 15% tổng số vụ ly hôn.

Qua thực tế xét xử nhiều năm, phần lớn những việc đưa đến Toà án là mâu thuẫn vợ chồng đã khá gay gắt, nhiều vụ đã kéo dài, qua nhiều khâu hoà giải từ cơ sở nhưng không có kết quả. Tuy nhiên ngành toà án đã có nhiều cố gắng phối hợp với các cơ quan đoàn thể hoà giải đưa lại sự đoàn tụ cho nhiều gia đình. Ở miền Bắc, từ 1964 đến 1979 có 18.181 vụ xin ly hôn đã được hoà giải chiếm tỷ lệ 11%; ở miền Nam từ năm 1977 đến năm 1982 có 2.679 gia đình xin ly hôn đã được hoà giải chiếm tỷ lệ 12%. Việc công nhận thuận tình ly hôn cũng chiếm tỷ lệ khá cao, từ 45% đến 50% những đôi vợ chồng thực sự tự nguyện chấm dứt quan hệ vợ chồng từ khi họ tự thấy không có hạnh phúc. Những trường hợp vì một bên cương quyết muốn ly hôn nên bên này cuối cùng cũng thuận tình hoặc lẽ tẻ có một số người lợi dụng sự dễ dãi trong điều 25 của luật đã mua chuộc, lừa dối vợ để thuận tình cho họ đạt nguyện vọng. Khó khăn nhất vẫn là một bên xin ly hôn, một bên muốn đoàn tụ. Các vụ này đều qua hoà giải nhưng không thành. Toà án đã bác đơn khoảng 15% số đơn xin ly hôn để tạo điều kiện cho hai bên đương sự suy nghĩ về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với gia đình con cái và xã hội và để các cơ quan đoàn thể có thời gian giáo dục, giúp đỡ. Nhưng trong một số vụ, Toà án bác đơn nhiều lần, quan hệ gia đình họ không cải thiện, vẫn tạo nên sự căng thẳng.

Đối với tình hình ly hôn xảy ra như trên, bên cạnh mặt tích cực, cũng không ít những hiện tượng tiêu cực trong hôn nhân và gia đình. Tình trạng xin ly hôn quá dễ dãi ngày càng nhiều qua khảo sát ở một số điểm thì năm 1979 cứ 14 đôi kết hôn có 1 đôi xin ly hôn, năm 1980 cứ 9 đôi kết hôn có 1 đôi xin ly hôn, năm 1981 thì 10,8 đôi kết hôn có 1 đôi xin ly hôn. Chấm dứt quan hệ hôn nhân ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống và tình cảm của con cái trong tình hình xã hội ta, số đông phụ nữ vẫn phải chịu nhiều thiệt thòi hơn nam giới. Cho nên trong vấn đề ly hôn có những quan niệm khác nhau, được tập trung ở hai loại ý kiến. Loại thứ nhất: cho rằng khi họ không muốn chung sống thì cho họ bỏ nhau, không nên kéo

Dài cuộc sống không hạnh phúc, loại thứ hai: không tán thành cho ly hôn, nếu việc xin ly hôn đó có lỗi của một bên, nhất là khi họ đã sống chung với nhau lâu, có nhiều con cái, đặc biệt trong trường hợp vì lý do phóng đảng, lãng mạn ngoại tình thì dư luận càng khe khắt và muốn Toà án bác đơn đến cùng; Hai quan niệm trên đây đều chưa đầy đủ và đã dẫn đến những lệch lạc không giải quyết.

Nhận thức vấn đề ly hôn đúng đắn phải đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với vấn đề gia đình.

Luật pháp phong kiến coi hôn nhân là sự gả bán, định đoạt của bố mẹ, người phụ nữ không có quyền gì và không có quyền tự do kết hôn cũng như ly hôn, chỉ người chồng mới có quyền bỏ người vợ khi họ muốn bỏ. Luật pháp tư sản coi hôn nhân là hợp đồng nên quy định trước một số duyên cớ có thể ly hôn, chủ yếu là do lỗi của một bên. Luật giáo hội thiên chúa cấm hẳn ly hôn. Quan điểm của giai cấp vô sản khi nói đến tự do kết hôn là phải nói đến tự do ly hôn. Đó là hai mặt của ly hôn tự do và tiến bộ. Mác đã nói: “Sự ly hôn chỉ là xác lập một sự thật là cuộc hôn nhân đó đã chết, sự tồn tại của nó chỉ là cái vỏ bề ngoài và là sự giả dối”¹ Lenin cũng cho rằng: Trên thực tế sự ly hôn tự do không phải là phá hoại gia đình, mà trái lại là khả năng duy nhất trong xã hội văn minh để củng cố gia đình một cách vững chắc. Tuy nhiên, Lenin cũng chỉ ra rằng vấn đề hôn nhân và gia đình không chỉ là vấn đề riêng tư, không liên quan gì đến xã hội và Nhà nước. Trong tình yêu và hôn nhân có vấn đề lợi ích của xã hội và nghĩa vụ đối với xã hội. Tính chất tiến bộ của hôn nhân tự do là nó phải phù hợp với yêu cầu giải phóng thực sự con người, làm cho con người cả nam lẫn nữ thoát khỏi sự ràng buộc của tư tưởng phong kiến lạc hậu và không sa vào tư tưởng ích kỷ tư lợi của giai cấp tư sản, không đi vào tự do lãng mạn, vô tổ chức, vô chính phủ.

Việc thực hiện luật hôn nhân và gia đình là một bộ phận của cuộc cách mạng văn hoá và tư tưởng thực chất là cuộc đấu tranh giữa những tư tưởng tiến bộ chống lại những tư tưởng lạc hậu.

¹ Mác-Ăng ghen. *Toàn tập*, tập 1, Nxb Sự thật, 1978, tr.219.

xoá bỏ những cái cũ kỹ lạc hậu, đồng thời xây dựng những gia đình mới, nếp sống mới. Những tàn tích của tư tưởng phong kiến, và những ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, trong đời sống gia đình chưa phải đã được gột rửa hết. Nếu nghĩ rằng cứ có luật hôn nhân và gia đình tiến bộ thì tất cả các cuộc hôn nhân đều dẫn đến những gia đình hoà thuận, hạnh phúc thì thật là không tưởng.

Vấn đề đặt ra không phải là phê phán và ngăn cấm việc ly hôn để kéo dài tình trạng đau khổ của cả hai người khi thực sự tình yêu không còn nữa mà chính là cần đi sâu tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ để có những biện pháp tích cực xây dựng và phòng ngừa nhằm hạn chế những mặt tiêu cực trong ly hôn. Khi nam nữ thanh niên có quan niệm đúng đắn về tình yêu, về gia đình thì việc họ kết hôn và xây dựng gia đình hạnh phúc là tất yếu và việc ly hôn chỉ là cá biệt. Cho nên nói đến quan hệ vợ chồng trước hết phải nói là quan hệ tình cảm và sự tự nguyện. Luật pháp cũng có mặt tích cực của nó là giáo dục và thuyết phục, có thể hỗ trợ cho tư tưởng đúng đắn, song luật pháp không thể cưỡng bức sự tự nguyện của họ khi mâu thuẫn đã trầm trọng, khi cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Duy trì một quan hệ hôn nhân trên hình thức khi nội dung cơ bản của nó không còn nữa, đó chỉ có thể là luật lệ trong giáo hội hoặc chế độ phong kiến xưa kia. Điều đó không phù hợp với tinh thần của luật hôn nhân và gia đình của chúng ta. Những gia đình như vậy không đưa lại lợi ích gì cho cả đôi bên, cho con cái họ và cho xã hội.

Vì vậy cho ly hôn một cách khinh xuất là thiếu trách nhiệm, nhưng bác đơn một cách bõ gó, kéo dài là phản khoa học.

Để thực hiện đúng đắn Luật hôn nhân và gia đình, ngăn ngừa những mặt tiêu cực trong ly hôn, cần có những biện pháp như sau:

1. Vấn đề mấu chốt là phải giáo dục sâu rộng và thường xuyên, liên tục trong nhân dân nhất là trong nam nữ thanh niên về tinh thần và nội dung của luật hôn nhân và gia đình, xây dựng quan niệm đúng đắn về tình yêu, về gia đình, không ngừng bồi dưỡng

giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa ý thức trách nhiệm với gia đình, con cái và bản thân. Đồng thời phải đấu tranh phê phán những hiện tượng vi phạm luật pháp và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

2. Có kế hoạch xây dựng những gia đình văn hoá, những gia đình kiểu mẫu. Chính việc xây dựng và củng cố gia đình hạnh phúc có ý nghĩa tích cực đối với hạn chế việc ly hôn bừa bãi. Cần nêu lên những mô hình, những mẫu mực của gia đình kiểu mới.

3. Vấn đề phòng ngừa là rất quan trọng. Khi mâu thuẫn gia đình vừa mới nảy sinh cần được sự giúp đỡ tận tình nhưng tế nhị của các tổ hoà giải, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn và mặt trận, kết hợp ngăn chặn không để trở thành mâu thuẫn gay gắt dẫn đến ly hôn. Kinh nghiệm các tổ chức hoà giải đã giải quyết tốt cho nhiều gia đình từ mâu thuẫn trở nên hoà thuận với số lượng nhiều hơn số lượng đưa đến Toà án.

4. Cần đề cao pháp luật xã hội chủ nghĩa, kịp thời xử lý những vụ vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên tùy từng trường hợp, tùy theo mức độ nghiêm trọng mà xử lý hành chính, kỷ luật ở các tổ chức quần chúng, hay đưa ra truy tố trước pháp luật.

5. Thực hiện luật hôn nhân và gia đình là trách nhiệm chung của các ngành, các đoàn thể dưới sự lãnh đạo của Đảng. Việc phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan pháp luật và các đoàn thể quần chúng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nhận thức và giải quyết đúng đắn vấn đề ly hôn đúng với tinh thần của luật.